

IV. KẾT LUẬN

Kết quả sản xuất thử cho thấy giống KK3 thích nghi tốt với vùng Tây Nam bộ. Mọc mầm tốt, đẻ nhánh khá mạnh, khả năng chống chịu điều kiện bất lợi của vùng tốt. Chống chịu với sâu đục thân khá tốt, không bị nhiễm các bệnh hại chính như bệnh than, chổi cỏ. Có năng suất cao, năng suất thực thu đạt từ 120,50 tấn/ha đến 143,35 tấn/ha, vượt giống đối chứng K84-200 trên 20%. Chứa đường từ 11,16 CCS đến 12,35 CCS. Năng suất quy 10 CCS đạt từ 150 tấn/ha/vụ đến 162 tấn/ha/vụ, vượt đối chứng 26,64% đến 38,85%. Nhược điểm của giống KK3, mọc mầm chậm, nên chú ý ngâm hom trong nước và ủ trước khi trồng để mía mọc nhanh và tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2014. Báo

cáo Tổng kết Hội nghị mía đường niên vụ 2013/2014. Hội nghị tổng kết mía đường niên vụ 2013/2014, TP. Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ngày 24/7/2014.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2015. Báo cáo tổng kết Hội nghị mía đường niên vụ 2014/2015. Hội nghị Tổng kết Mía đường niên vụ 2014/2015, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, ngày 14/8/2015.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2017. Quyết định số 135/QĐ-TT-CCN ngày 12/01/2017 về việc công nhận cho sản xuất thử giống mía KK3 tại vùng Tây Nam bộ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2018. Báo cáo tổng kết Hội nghị mía đường niên vụ 2017/2018. Hội nghị tổng kết mía đường niên vụ 2017/2018, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, ngày 13/9/2018

Viện Nghiên cứu Mía đường, 2016. Báo cáo công nhận giống KK3 cho sản xuất thử tại vùng Tây Nam bộ.

Result of trial production of KK3 sugarcane variety in the Southwest region

Le Thi Thuong, Vo Manh Hung,
Nguyen Cuong Quyet, Le Quang Tuyen

Abstract

Trial production of KK3 sugarcane variety was carried out from 2017 to 2018 in the Southwest region. The results in Long An, Ben Tre, Hau Giang and Soc Trang provinces showed that KK3 variety was well adapted to ecological condition of the Southwest region, strong growth, good germination, quite strong tillering, resistance to pests and diseases, good ratooning, less falling, non-flowering, good tolerance to flooding and sunfate salty soil, high density of millable stems, heavy stalks, early capony closure, medium early ripening and wide adaptability. The yield ranged from 120.50 to 143.35 tons/ha, 20% higher than K84-200 control variety. The sugar content reached from 11.16 to 12.35 CCS. The yield of 10 CCS achieved from 150 to 162 tons/ha/season, 26.64 - 38.85% higher than K84-200 control variety.

Keywords: KK3, Commercial Cane Sugar (CCS), sugarcane yield, trial production

Ngày nhận bài: 21/3/2019

Ngày phản biện: 4/4/2019

Người phản biện: TS. Nguyễn Đức Quang

Ngày duyệt đăng: 15/4/2019

KẾT QUẢ SẢN XUẤT THỬ GIỐNG MÍA LK92-11 TẠI VÙNG TÂY NAM BỘ

Lê Thị Thường¹, Võ Mạnh Hùng¹,
Nguyễn Cương Quyết¹, Lê Quang Tuyền¹

TÓM TẮT

Giống mía LK92-11 đã được công nhận cho sản xuất thử tại vùng Tây Nam bộ theo quyết định số 135/QĐ-BNN-TT, ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Việc sản xuất thử giống mía LK92-11 được tiến hành tại các tỉnh Long An, Bến Tre và Sóc Trăng, trong 2 năm 2017 và 2018. Các mô hình sản xuất thử được bố trí theo kiểu diện rộng và không lặp lại. Kết quả sản xuất thử cho thấy giống mía LK92-11 sinh trưởng tốt, đẻ nhánh khá mạnh, mật độ cây cao, thân cây chắc và nặng; chống chịu với sâu bệnh hại và đất phèn nhiễm mặn; không trở cò, không đổ ngã hoặc chỉ bị đổ ngã nhẹ, chín trung bình sớm. Năng suất đạt từ trên 112 tấn/ha đến 134 tấn/ha, cao hơn giống K84-200 trong mô hình đối chứng từ 15 đến 24%. Năng suất quy 10 CCS trung bình đạt từ 133 tấn/ha đến 155 tấn/ha, cao hơn đối chứng từ 24 đến 28%. Chất lượng mía đạt từ 11,52 CCS đến 12,45 CCS.

Từ khóa: Giống mía LK92-11, chứa đường (CCS), năng suất, sản xuất thử

¹ Viện Nghiên cứu Mía đường

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, giá đường xuống thấp do ảnh hưởng của thị trường thế giới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra trên diện rộng và ngày càng gay gắt, đặc biệt là các vùng Tây Nam bộ, Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Vì vậy, sản xuất mía mang lại hiệu quả không cao, làm ảnh hưởng đến đời sống của người trồng mía.

Theo báo cáo tổng kết mía đường vụ 2017 - 2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, tổng diện tích mía cả nước đạt 274.300 ha, tăng 6.000 ha so với vụ 2016 - 2017, năng suất đạt 65,1 tấn/ha, chữ đường bình quân cả nước 9,62 CCS tương đương vụ trước. Vụ mía 2017 - 2018, Tây Nam bộ có diện tích 40.082 ha, giảm gần 19.000 ha so với vụ 2013 - 2014 và giảm 16.118 ha so với vụ 2014 - 2015, năng suất 86,5 tấn/ha và tỷ lệ tiêu hao lớn 11,11 mía/đường (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2014, 2015 và 2018). Nguyên nhân chủ yếu là do phần lớn các giống mía sản xuất của vùng thuộc nhóm chín trung bình đến muộn, nên đầu vụ thu hoạch mía chưa đủ tuổi (chữ đường thấp), thiếu giống mía chín sớm hoặc trung bình sớm,... làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng mía nguyên liệu. Điều này dẫn đến hiệu quả của sản xuất và chế biến thấp, diện tích mía ngày càng giảm, nguy cơ thiếu hụt mía nguyên liệu trong vụ tới là rất cao. Để góp phần nâng cao năng suất, chất lượng mía nguyên liệu của vùng, bổ sung giống mía chín trung bình sớm vào cơ cấu giống của vùng, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã cho phép sản xuất thử giống mía LK92-11 tại vùng Tây Nam bộ theo Quyết định số 135/QĐ-TT-CCN, ngày 12/01/2017.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Giống mía LK92-11 có nguồn gốc từ Thái Lan, được tạo ra bằng phương pháp lai hữu tính từ của tổ hợp lai giữa K84-200 Ehaew, nhập nội vào Việt Nam năm 2005. và đã được công nhận cho sản xuất thử tại các tỉnh Tây Nam bộ từ ngày 12/01/2017.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Bố trí thí nghiệm

- Mô hình sản xuất thử bố trí theo kiểu diện rộng, không lặp lại, diện tích mỗi mô hình là 1 ha. Tổng quy mô sản xuất thử 214 ha.

- Phương pháp theo dõi và đánh giá: Dựa theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-131:2013/BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng của giống mía, ban hành theo Thông tư số 33/2013/TT-BNNPTNT ngày 21/6/2013 của Bộ

trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2.2.2. Kỹ thuật canh tác

- Đất đai trồng mía: Đất thịt, thấp ngập úng, nhiễm phèn nhẹ, chuyên canh mía, không được luân canh cải tạo đất, có tưới rãnh vào những tháng mùa khô (Long An). Đất thịt bị úng phèn và nhiễm mặn nhẹ, chuyên canh cây mía, có tưới rãnh vào mùa khô (Bến Tre). Đất thịt, thấp trũng, nhiễm nậm, chuyên canh cây mía (Sóc Trăng).

- Quy trình canh tác áp dụng:

+ Mật độ trồng: 5 hom 3 mắt mầm/m dài, hàng đơn khoảng cách 1,1 - 1,2 m.

+ Lượng phân bón/ha: 1 tấn vôi bột (vụ tơ), 2 tấn hữu cơ vi sinh, 250 - 300 kg N, 140 - 165 kg P₂O₅, 240 kg K₂O, 20 kg thuốc trừ sâu dạng hạt, 4 kg thuốc trừ cỏ. Bón lót toàn bộ lân, hữu cơ vi sinh và thuốc trừ, 1/3 lượng N, 1/3 lượng K₂O, bón thúc 2 lần với lượng vô cơ còn lại. Khi bón đất đủ ẩm và sạch cỏ dại.

+ Chăm sóc mía: Đảm bảo ruộng luôn sạch cỏ dại, xới xáo vô chân (2 - 3 lần) và bóc lá (2 lần), riêng Long An và Bến Tre chỉ xới xáo, không vun gốc và không bóc lá.

2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được xử lý bằng phần mềm Excel.

2.3. Thời gian, địa điểm và quy mô thực hiện

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 1/2017 đến tháng 12/2018 với tổng diện tích 214 ha tại các địa điểm sau:

- Huyện Bến Lức, tỉnh Long An, quy mô 141,0 ha.
- Huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, quy mô 48,0 ha.
- Huyện Huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, quy mô 25,0 ha.

III. KẾT QUẢ SẢN XUẤT THỬ

3.1. Kết quả sản xuất thử giống mía LK92-11 tại Long An năm 2017 và 2018

Mô hình sản xuất thử giống LK92-11 tại xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An mọc mầm khô và đồng đều, đạt trên 48%, đẻ nhánh khá cao (trên 1,45 nhánh/cây mẹ). Giai đoạn đầu làm lóng hơi chậm, nhưng giai đoạn sau vươn cao khá nhanh, mật độ cây rất cao, không trở cờ, chống chịu sâu bệnh hại tốt, chống chịu điều kiện ngập úng và nhiễm phèn tốt (thời gian ngập úng từ tháng 8 đến tháng 9 trong năm), không bị đổ ngã. Các yếu tố cấu thành năng suất cao, mật độ cây hữu hiệu đạt trên 77 ngàn cây/ha. Năng suất thực thu trên 110 tấn/ha, chữ đường 11,86 CCS trở lên, năng suất quy 10 CCS đạt từ 133 đến 146 tấn/ha.

Bảng 1. Các chỉ tiêu sinh trưởng của giống mía LK92-11 tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018
		Mô hình 1	Mô hình 2	
1	Tỷ lệ mọc mầm (%)	48,57	51,40	49,00
2	Sức đẻ nhánh (nhánh/cây mẹ)	1,67	1,45	1,71
3	Khả năng chống chịu			
	- Tỷ lệ cây chết do sâu đục thân gây hại trước thu hoạch (%)	6,63	6,70	6,22
	- Tình hình bệnh hại	Không	Không	Không
	- Khả năng chịu úng phèn, mặn	Tốt	Tốt	Tốt
	- Tình hình đổ ngã	Không	Không	Không
4	Tỷ lệ cây trở cò (%)	0,00	0,00	0,00
5	Các yếu tố cấu thành năng suất			
	- Khối lượng cây (kg)	1,49	1,52	1,54
	- Mật độ cây hữu hiệu (ngàn cây/ha)	80,29	85,54	77,92
6	Năng suất thực thu (tấn/ha)	112,46	119,75	112,92
7	Chữ đường (CCS)	12,57	12,25	11,86
8	Năng suất quy 10 CCS (tấn/ha)	141,36	146,69	133,88

Mô hình sản xuất giống LK92-11 được trồng trong điều kiện đất thấp nhiễm phèn tại tỉnh Long An mang lại kết quả cao, năng suất mía đạt trung bình trên 116 tấn/ha, vượt đối chứng trên 18%, chữ đường đạt trung bình trên 12 CCS, năng suất quy 10 CCS đạt trên 140 tấn/ha và vượt đối chứng trên 26% (Bảng 2).

Bảng 2. Năng suất, chất lượng mía và năng suất quy 10 CCS của mô hình SXT giống LK92-11 so với đối chứng tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Mô hình K84-200 (đ/c)	Mô hình LK92-11	
			Trung bình	% vượt đ/c
1	Năng suất thực thu (tấn/ha)	97,67	116,11	18,88
2	Chữ đường (CCS)	11,65	12,21	-
3	Năng suất quy 10 CCS (tấn/ha)	113,79	144,03	26,58

Mô hình sản xuất giống LK92-11 năm 2018 tại Long An có năng suất mía đạt trên 112 tấn/ha, chữ đường đạt trung bình trên 11,86 CCS, năng suất quy 10 CCS đạt trên 133 tấn/ha, vượt đối chứng trên 25% (Bảng 3).

Bảng 3. Năng suất, chất lượng mía và năng suất quy 10 CCS của mô hình sản xuất thử giống LK92-11 so với đối chứng tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Mô hình K84-200 (đ/c)	Mô hình LK92-11	
			Kết quả	% vượt đ/c
1	Năng suất thực thu (tấn/ha)	95,42	112,92	18,34
2	Chữ đường (CCS)	11,19	11,86	-
3	Năng suất quy 10 CCS (tấn/ha)	106,78	133,88	25,37

3.2. Kết quả sản xuất thử giống mía LK92-11 tại Bến Tre năm 2017 và 2018

Mô hình sản xuất thử giống LK92-11 tại Thạnh Phú, Bến Tre có tỷ lệ mọc mầm cao đạt trên 53%, mía đồng đều, cây mầm to. Sức đẻ nhánh cao (trên 1,52 nhánh/cây mẹ), mật độ cây cao, chống chịu sâu bệnh hại tốt, khả năng chịu điều kiện nhiễm phèn mặn tốt (thời gian bị ngập úng nặng nhất trong năm từ tháng 8 đến tháng 10 hàng năm), không bị đổ ngã, không trở cò. Các yếu tố cấu thành năng suất cao, năng suất thực thu đạt trên 115 tấn/ha, chữ đường đạt trên 11,90 CCS, năng suất quy 10 CCS đạt trên 137 tấn/ha (Bảng 4).

Bảng 4. Các chỉ tiêu sinh trưởng của giống mía LK92-11 trong mô hình sản xuất thử tại huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre

STT	Chỉ tiêu	Mô hình năm 2017	Mô hình năm 2018
1	Tỷ lệ mọc mầm (%)	53,20	57,33
2	Sức đẻ nhánh (nhánh/cây mẹ)	1,55	1,52
3	Khả năng chống chịu		
	- Tỷ lệ cây chết do sâu đục thân gây hại trước thu hoạch (%)	6,45	7,82
	- Tình hình bệnh hại	Không	Không
	- Khả năng chịu úng phèn, mặn	Tốt	Tốt
	- Tình hình đổ ngã	Không	Không
4	Tỷ lệ cây trở cò (%)	0,00	0,00
5	Các yếu tố cấu thành năng suất		
	- Khối lượng cây (kg)	1,41	1,51
	- Mật độ cây hữu hiệu (ngàn cây/ha)	85,92	84,17
6	Năng suất thực thu (tấn/ha)	115,29	119,17
7	Chữ đường (CCS)	11,91	12,45
8	Năng suất quy 10 CCS (tấn/ha)	137,29	148,37

Bảng 5. Năng suất, lượng mía và năng suất quy 10 CCS của mô hình sản xuất giống LK92-11 so với đối chứng tại huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Mô hình K84-200 (đ/c)	Mô hình LK92-11	
			Kết quả	% vượt đ/c
1	Năng suất thực thu (tấn/ha)	96,33	115,29	15,20
2	Chữ đường (CCS)	11,05	11,91	-
3	Năng suất quy 10 CCS (tấn/ha)	106,45	137,29	24,14

Mô hình sản xuất thử giống LK92-11 được trồng trong điều kiện đất thấp nhiễm phèn mặn tại tỉnh Bến Tre năm 2017 và 2018 đạt kết quả tốt, năng suất mía đạt trên 115 tấn/ha, vượt đối chứng

trên 15%, chữ đường đạt từ 11,91 đến 12,45 CCS, năng suất quy 10 CCS đạt trên 137 tấn/ha, vượt đối chứng trên 24% (Viện Nghiên cứu Mía đường, 2019) (Bảng 6).

Bảng 6. Năng suất, chất lượng và năng suất quy 10 CCS của mô hình sản xuất thử giống mía LK92-11 so với đối chứng tại huyện Thanh Phú tỉnh Bến Tre năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Mô hình K84-200 (đ/c)	Mô hình LK92-11	
			Kết quả	% vượt đ/c
1	Năng suất thực thu (tấn/ha)	98,50	119,17	20,98
2	Chữ đường (CCS)	11,95	12,45	-
3	Năng suất quy 10 CCS (tấn/ha)	117,71	148,37	26,05

3.3. Kết quả sản xuất thử giống mía LK92-11 tại Sóc Trăng năm 2017 và năm 2018

Mô hình sản xuất thử giống mía LK92-11 tại huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng trong năm 2017 và năm 2018 có tỷ lệ mọc mầm và sức đẻ nhánh ở mức khá (bình quân đạt trên 50% và 1,00 nhánh/cây mẹ). Tỷ lệ sâu hại trên các mô hình trong các giai đoạn sinh trưởng đều ở mức thấp hơn 7%. Không xuất hiện bệnh hại nguy hiểm, chống chịu điều kiện đất nhiễm phèn mặn tốt, không trở cò, đổ ngã nhẹ. Các yếu tố cấu thành năng suất như mật độ hữu hiệu và khối lượng cây ở mức khá cao. Năng suất thực thu đạt trên 128 tấn/ha, chữ đường trên 11 CCS, năng suất quy 10 CCS đạt trên 148 tấn/ha (Bảng 7).

Năng suất thực thu trung bình trên các mô hình sản xuất thử năm 2017 và 2018 đạt cao, năng suất đạt trên 130 tấn/ha, vượt đối chứng trên 20%, chữ đường cao hơn đối chứng. Năng suất quy 10 CCS đạt trên 150 tấn/ha, vượt đối chứng từ 24,62 đến 28,03% (Viện Nghiên cứu Mía đường, tháng 1/2019 và tháng 3/2019).

Như vậy, sau 2 năm sản xuất thử giống mía LK92-11 tại Tây Nam bộ cho thấy giống mía LK92-11 phù hợp với điều kiện đất đai ngập úng và nhiễm phèn tại Long An, Bến Tre và Sóc Trăng, sinh trưởng mạnh, mật độ cây cao, có khả năng chống chịu tốt, ít đổ ngã, không trở cò, có năng suất cao, chất lượng tốt.

Bảng 7. Các chỉ tiêu về sinh trưởng phát triển của mô hình sản xuất thử giống mía LK92-11 tại huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
		Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 1	Mô hình 2
1	Tỷ lệ mọc mầm (%)	52,39	51,42	51,42	55,69
2	Súc đẻ nhánh (nhánh/cây mẹ)	1,03	1,14	1,14	0,91
3	Khả năng chống chịu				
	- Tỷ lệ cây chết do sâu đục thân gây hại trước thu hoạch (%)	5,51	4,93	4,93	6,04
	- Tình hình bệnh hại	Không	Không	Không	Không
	- Khả năng chịu úng phèn, mặn	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
	- Tình hình đổ ngã	Nhẹ	Nhẹ	Nhẹ	Nhẹ
4	Tỷ lệ cây trở cờ (%)	Không	Không	Không	Không
5	Các yếu tố cấu thành năng suất				
	- Khối lượng cây (kg)	1,68	1,66	1,67	1,71
	- Mật độ hữu hiệu (ngàn cây/ha)	86,52	93,15	92,15	86,37
6	Năng suất thực thu (tấn/ha)	128,29	134,63	134,41	130,69
7	Chữ đường (CCS)	11,55	11,49	11,64	11,83
8	Năng suất quy 10 CCS (tấn/ha)	148,17	154,69	156,45	154,61

Bảng 8. Năng suất, lượng mía và năng suất quy 10 CCS của mô hình sản xuất thử giống LK92-11 so với đối chứng tại huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Mô hình K84-200 (đ/c)	Mô hình LK92-11	
			Trung bình	% vượt đ/c
1	Năng suất mía nguyên liệu (tấn/ha)	107,63	131,46	22,14
2	Chữ đường (CCS)	11,29	11,52	-
3	Năng suất quy 10 CCS (tấn/ha)	121,51	151,43	24,62

Bảng 9. Năng suất, chất lượng và năng suất quy 10 CCS của mô hình sản xuất thử giống mía LK92-11 so với đối chứng tại huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Mô hình K84-200 (đ/c)	Mô hình LK92-11	
			Trung bình	% vượt đ/c
1	Năng suất mía nguyên liệu (tấn/ha)	106,54	132,55	24,41
2	Chữ đường (CCS)	11,44	11,74	-
3	Năng suất quy 10 CCS (tấn/ha)	121,48	155,53	28,03

IV. KẾT LUẬN

Kết quả sản xuất thử giống mía LK92-11 tại vùng Tây Nam bộ trong năm 2017 và năm 2018 cho thấy đây là giống mía tốt, có nhiều ưu điểm như sinh trưởng, phát triển mạnh, khả năng chống chịu sâu bệnh hại tốt, không hoặc ít bị đổ ngã, không trở cờ, mật độ cây cao, có năng suất cao, chất lượng tốt, chín trung bình sớm.

Năng suất giống mía LK92-11 đạt từ 112 tấn/ha đến 132 tấn/ha, vượt giống đối chứng K84-200 từ 15 đến 24%, chất lượng tốt, chữ đường đạt từ 11,52 đến 12,45 CCS. Năng suất quy 10 CCS đạt từ 133 đến 155 tấn/ha, vượt đối chứng trên 24%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn**, 2014. Báo cáo Tổng kết Hội nghị mía đường niên vụ 2013/2014. Hội nghị tổng kết Mía đường niên vụ 2013/2014, TP. Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ngày 24/7/2014,.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn**, 2015. Báo cáo Tổng kết Hội nghị mía đường niên vụ 2014/2015. Hội nghị tổng kết Mía đường niên vụ 2014/2015, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, ngày 14/8/2015,.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn**, 2017. Quyết định số 135/QĐ-TT-CCN, ngày 12/01/2017, về việc công nhận cho sản xuất thử giống mía LK92-11 tại vùng Tây Nam bộ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2018. Báo cáo tổng kết Hội nghị mía đường niên vụ 2017/2018. Hội nghị Tổng kết Mía đường niên vụ 2017/2018, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, ngày 13/9/2018,

Viện Nghiên cứu Mía đường, 2019. Báo cáo Kết quả sản xuất thử giống mía LK92-11 tại vùng mía Tây Nam

bộ. Hội đồng Nghiệm thu cấp Bộ ngày 12/01/2019.

Viện Nghiên cứu Mía đường, 3/2019. Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu chọn tạo giống mía chịu úng phèn, có năng suất và chất lượng cao cho vùng Tây Nam bộ”. Hội đồng Nghiệm thu cấp Bộ ngày 27/3/2019.

Trial production of sugarcane variety LK92-11 in South-western region

Le Thi Thuong, Vo Manh Hung,
Nguyen Cuong Quyet, Le Quang Tuyen

Abstract

Sugarcane variety LK92-11 has been recognized for trial production in South-western region according to the Decision No. 135/QĐ-BNN-TT on January 12th, 2017 of the Minister of Ministry of Agriculture and Rural Development. The trial production of LK92-11 was conducted in provinces of Long An, Ben Tre and Soc Trang, during 2 years of 2017 and 2018. The trial production models were carried on large scale without replication. The results showed that sugarcane variety LK92-11 grew well, tillering strongly with high density, hard and heavy stem; they were tolerant to pests, diseases and saline acid sulfate soil; non-flowering, non or slightly lodging, early - medium ripening. The cane yield was 112 tons/ha to 134 tons/ha, higher than that of the check variety K84-200 by 15 to 24%. The average cane yield with 10 CCS was from 133 tons/ha to 155 tons/ha, higher than that of the check variety by 24 to 28%. The cane quality reached 11.52 CCS to 12.45 CCS.

Keywords: Sugarcane variety LK92-11, Commercial Cane Sugar (CCS), yield, trial production

Ngày nhận bài: 29/3/2019

Ngày phản biện: 5/4/2019

Người phản biện: TS. Cao Anh Dương

Ngày duyệt đăng: 15/4/2019

KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG ALFALFA AF1

Nguyễn Văn Thắng¹, Nguyễn Thị Thuý Lương¹,
Nguyễn Xuân Vi¹, Nguyễn Trí Quý¹

TÓM TẮT

Cây Alfalfa hay còn gọi là cây linh lăng (*Medicago sativa* L.) đã được bắt đầu trồng thử nghiệm ở nước ta từ những năm 60 song kết quả chưa được khả quan. Kết quả đánh giá khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng của 10 giống Alfalfa triển vọng được chọn ra từ 46 giống thu thập và nhập nội trong giai đoạn 2015 - 2018 tại một số vùng sinh thái cho thấy, nếu trồng đúng thời vụ, các giống có khả năng sinh trưởng và cho năng suất chất xanh từ 38 - 84 tấn/ha/năm, hàm lượng protein từ 15 - 25%. Đã chọn ra được 6 giống cho 5 - 6 lần cắt với tổng năng suất chất xanh trên 60 tấn/ha/năm, hàm lượng protein 22 - 23,5%. Trong điều kiện Đồng bằng sông Hồng, giống AF1 cho năng suất cao nhất với 84,9 tấn/ha/năm sau 6 lần cắt, hàm lượng chất khô của giống AF1 đạt 20,0%, hàm lượng protein đạt 23,5%; hàm lượng chất xơ là 25,2%; hàm lượng NDF: 40,6%; ADF: 31,9%. Giống AF1 đã được Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khuyến cáo mở rộng sản xuất.

Từ khoá: Alfalfa, tuyển chọn, năng suất, chất lượng

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tổng diện tích trồng Alfalfa trên thế giới năm 2016 khoảng 30 triệu ha trong đó Bắc Mỹ chiếm 41% (11,9 triệu ha); châu Âu 25% (7.120.000 ha); Nam Mỹ 23% (7.000.000 ha); châu Á 8% (2,23 triệu ha). Hoa Kỳ là nước có diện tích lớn nhất trên thế giới với 9 triệu ha, kế đến là Argentina với 6,9 triệu ha, Canada 2 triệu ha, Nga 1,8 triệu ha, Ý 1,3 triệu ha và Trung

Quốc 1,3 triệu ha. Thị trường cỏ linh lăng hoặc cỏ khô toàn cầu trị giá 799,9 triệu USD trong năm 2016 và dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng CAGR là 4,9% trong giai đoạn 2018-2023 (NAFA, 2017).

Tại Trung Quốc đã thu thập được 80 giống Alfalfa địa phương. Từ năm 1986 đến năm 2000 đã có 36 giống được công nhận, trong đó có 17 địa phương (Alfalfa Management Guide for Ningxia-China, 2007).

¹ Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm